

UBND TỈNH GIA LAI
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KÔNG CHIỀNG
MẪU SỐ 01

Phụ lục số 1

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG
KỲ BÁO CÁO: 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

D: Ghi số dư của khoản mục, P: Ghi số phát sinh trong kỳ báo cáo
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ Số cuối kỳ	Năm trước/ Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi	110	D (đồng)	0	0
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111	P (đồng)	0	0
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112	P (đồng)	0	0
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước	120	D (đồng)	0	0
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121	D (đồng)	0	0
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	122	D (đồng)	0	0
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài	130	D (đồng)	0	0
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131	D (đồng)	0	0
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác	132	D (đồng)	0	0
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước	140	D (đồng)	0	0
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141	D (đồng)	0	0
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142	D (đồng)	0	0
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước	143	D (đồng)	0	0
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144	D (đồng)	0	0
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài	150	D (đồng)	0	0
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151	D (đồng)	0	0
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152	D (đồng)	0	0
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153	D (đồng)	0	0
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154	D (đồng)	0	0
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155	D (đồng)	0	0
6. Nợ phải trả quá hạn	156	D (đồng)	0	0
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang	157		(234.880.409)	(191.255.553)
8. Vốn điều lệ	200	D (đồng)	23.824.511.507	23.824.511.507
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	300	P (đồng)	35.018.907	128.572.428
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310	P (đồng)	35.018.907	128.572.428
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	330	P (đồng)	0	0
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN	350	P (đồng)	0	0
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN	351	P (đồng)	129.262.920	172.197.284
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352	P (đồng)	0	0
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	360	D (đồng)	(329.124.422)	(234.880.409)
12. Tổng quỹ lương	622	P (đồng)	1.347.931.815	3.940.327.000
13. Số lao động bình quân (người)	610	P (đồng)	25	26
14. Tiền lương bình quân người/năm	623	P (đồng)	53.917.273	151.551.038

Lơ Pang, ngày 10 tháng 7 năm 2025

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC



(Signature)
Văn Hải Hội